

Bản án số: 17/2021/DS-PT

Ngày: 19 - 01 - 2021

V/v Tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 332/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 326/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn C, sinh năm 1927; Cư trú tại: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn B, sinh năm 1965; Cư trú tại: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau - Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019 (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng U - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (*có mặt*).

2. *Bị đơn:*

- Ông Phạm Văn M (*đã chết*).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Phạm Văn M: Bà La Thị L (đồng thời là bị đơn), Phạm Tuyết N, Phạm Thanh S, Phạm Trần A, Phạm Trúc L, Phạm Thành D, Phạm Thu N, Phạm Út Đ, Phạm Trường G, Phạm Út X, Phạm Thu H, Phạm Thúy H (*đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*).

- Bà La Thị L, sinh năm 1952 (*có mặt*);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (*vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Phạm Phước L, sinh năm 1967; Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau - Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2020 (*có mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Tuyết N, sinh năm 1972;
- Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1979;
- Anh Phạm Trần A, sinh năm 1980;
- Chị Phạm Trúc L, sinh năm 1981;
- Anh Phạm Thành D, sinh năm 1985;
- Chị Phạm Thu N, sinh năm 1987;
- Anh Phạm Trường G, sinh năm 1991;
- Chị Phạm Út X, sinh năm 1995;
- Chị Phạm Út Đ, sinh năm 1993;
- Ông Phạm Phước L, sinh năm 1967 (*có mặt*);
- Chị Phạm Diễm M, sinh năm 2003;
- Chị Lê Minh T, sinh năm 1999;
- Anh Phạm Văn N, sinh năm 1994;
- Chị Trần Thị N, sinh năm 1994;
- Chị Lâm Kiều T, sinh năm 1979;
- Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1999;
- Chị Phạm Mai L, sinh năm 2004;
- Anh Phạm Văn, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Trần P, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Chị Phạm Thu H, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Chị Phạm Thúy H, sinh năm 1982;

- Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt, riêng ông Phạm Phước L có mặt (các văn bản xin vắng mặt ngày 11,12,13/02/2020 và 11/01/2021).

4. Người kháng cáo: Ông Đinh Văn C (Nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1970 ông Đinh Văn C có khai phá phần đất khoảng 30 công; Năm 1982, Nhà nước có chủ trương trang trải đất đai, mỗi khẩu 03 công, phần đất của ông Đinh Văn C thừa 15 công nên Nhà nước trang trải cho hộ ông Phạm Văn Bé 10.000m². Năm 1985, Tập đoàn ấp B lấy 5.000m² cấp lại cho hộ ông Phạm Văn M, vợ là La Thị L. Vợ chồng ông Phạm Văn M bà La Thị L cùng với các con, cháu trong gia đình (gồm có: *Phạm Tuyết N, Phạm Thanh S, Phạm Trần A, Phạm Trúc L, Phạm Thành D, Phạm Thu N, Phạm Út Đ, Phạm Trường G, Phạm Út X, Phạm Thu H, Phạm Thúy H, dâu là Lâm Kiều T và các cháu là Phạm Văn Q và Phạm Mai L*) quản lý, sử dụng đất cho đến năm 1995 thì được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất, năm 1998 ông Phạm Văn M chết. Năm 2001, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà La Thị L và các con thống nhất chuyển nhượng lại phần đất trên cho ông Nguyễn Văn U và ông Nguyễn Văn U cũng được cấp quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn U sử dụng đất đến năm 2008 thì cho phần đất trên lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Phước L và vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Phước L cũng đã được nhà nước cấp quyền sử dụng vào năm 2014. Vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Phước L cùng các con trong gia đình (gồm có: *Phạm Văn S, Phạm Văn N, Phạm Diễm M, dâu là Lê Minh T, Trần Thị Ng*) quản lý, sử dụng đất cho đến nay.

Ông Đinh Văn C cho rằng, khi Nhà nước có chủ trương trả đất lại cho chủ cũ, thì năm 1990 ông có yêu cầu ông Phạm Văn Bé và ông Phạm Văn M trả đất nhưng ông Phạm Văn Bé và ông Phạm Văn M không chấp nhận trả lại đất. Sau đó ông cũng yêu cầu nhiều lần không được giải quyết. Tháng 02/2018 Ủy ban nhân dân xã T tổ chức hòa giải nhưng không thành. Nay ông Đinh Văn C yêu cầu bà La Thị L, bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất đang do bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng với diện tích là 5.714,2m². Ông Đinh Văn C chấp nhận hỗ trợ 15.000.000 đồng chi phí di dời nhà, mộ, cống vuông và cây nước ngầm, ông không yêu cầu thành quả lao động.

Bà La Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Phước L xác định là đất được Nhà nước cấp theo chủ trương và đúng theo quy định của pháp luật. Phần đất đã được quản lý, sử dụng qua thời gian dài, được Nhà nước chấp nhận chuyển quyền sử dụng qua nhiều người, nhận chuyển nhượng, tặng cho hợp pháp và canh tác ổn định, nên không chấp nhận trả đất. Đồng thời, khi Nhà nước lấy đất trang trải cho hộ khác vào năm 1985 thì phần đất trên ông Đinh Văn C bỏ hoang nhiều năm nên không chấp nhận bồi thường thành quả lao động cho ông Đinh Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn N cho rằng, trong phần đất tranh chấp trên, anh được cha mẹ là ông Phạm Phước L và bà Nguyễn Thị H cho diện tích đất là 1.000m² nhưng đến nay chưa thực hiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định và anh không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, bà La Thị L và những người thuộc hàng thừa kế của ông Phạm Văn M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất diện tích 5.741,2m² thuộc thửa số 347, tờ bản đồ số 17 do bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng, tọa lạc ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Ngoài ra,

bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/10/2020, ông Đinh Văn C (*do ông Đinh Văn B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại cho ông Đinh Văn C phần đất có diện tích 5.741,2m², trường hợp không trả đất thì trả lại giá trị đất hoặc trả thành quả lao động theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau xác định: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của ông Đinh Văn C do người đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Văn B thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét về quan hệ pháp luật, ông Đinh Văn C cho rằng phần đất của ông đã được Nhà nước lấy trang trải cho người khác vào năm 1985 nên nay ông kiện đòi lại. Các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định là đất đã được Nhà nước trang trải theo chủ trương chung, đã được chuyển nhượng và tặng cho hợp pháp qua nhiều người, đã được cấp quyền sử dụng, quản lý và canh tác ổn định nên không chấp nhận trả lại. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và áp dụng các quy định của Luật đất đai; Bộ luật dân sự để xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét về nguồn gốc đất tranh chấp thì căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 5.741,2m² thuộc thửa số 347, tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, hiện phần đất đang do bà Nguyễn Thị H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 493826, thửa đất 347, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.000m², cấp ngày 18/4/2014. Trên phần đất tranh chấp có một căn nhà của vợ chồng anh Phạm Văn S, chị Lê Minh T và tài sản khác gồm có giếng nước ngầm, cây trồng, cống vuông của ông Phạm Phước L, bà Nguyễn Thị H; khu mộ thân tộc của vợ chồng ông Phạm Phước L. Theo xác nhận của cơ quan chuyên môn thì phần đất này là phần đất của ông Đinh Văn C khai phá và được thực hiện điều chỉnh để trang trải cho ông Phạm Văn M, bà La Thị L vào năm 1985 theo Chỉ thị của Bộ

Chính trị số 57-CT/TW ngày 15/11/1978 và Chỉ thị của Ban Bí thư số 19-CT/TW ngày 03/5/1983 về điều chỉnh ruộng đất.

[4]. Xét về nội dung tranh chấp: Trong phần đất tranh chấp trên, ông Đinh Văn C khởi kiện yêu cầu bà La Thị L, bà Nguyễn Thị H và những người thuộc hàng thừa kế của ông Phạm Văn M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 5.741,2m², tọa lạc ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H. Phần đất này qua sự thừa nhận của các bên và diễn biến về thời gian đã xác định là nguồn gốc đất là do ông Đinh Văn C khai phá. Do diện tích đất thừa so với nhân khẩu hiện có của gia đình ông Đinh Văn C nên trong thời gian thực hiện chủ trương chung về chính sách đất đai, năm 1985 Nhà nước đã lấy một phần diện tích đất của ông Đinh Văn C trang trải cho hộ gia đình ông Phạm Văn M và bà La Thị L 5.000m². Từ năm 1985 đến nay, quá trình sử dụng phần đất này đã được vợ chồng bà La Thị L chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn U vào năm 2001 và sau đó ông Nguyễn Văn U cho lại phần đất này cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Phước L vào năm 2008. Tất cả các giai đoạn chuyển quyền sử dụng đất đều được Nhà nước thừa nhận và cấp quyền sử dụng theo đúng quy định. Tuy ông Đinh Văn C cho rằng ông có yêu cầu đòi lại đất khi chủ trương, chính sách đất đai thay đổi nhưng ông không có căn cứ để chứng minh, nhưng điều cơ bản là ông Đinh Văn C không được Nhà nước chấp nhận yêu cầu đòi lại đất. Ông Đinh Văn C chỉ dựa vào căn cứ mà ông cho rằng những người hiểu biết sự việc xác nhận là vào năm 1990, chính quyền ấp B có giải quyết buộc phía bị đơn ông Phạm Văn M, bà La Thị L trả đất nhưng phía bị đơn không thực hiện. Căn cứ này không đủ cơ sở để xác lập quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông Đinh Văn C. Qua diễn biến về thời gian, phần đất trên đã được Nhà nước chấp nhận chuyển quyền sử dụng qua nhiều người và cấp quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Phạm Văn M, bà La Thị L sang cho ông Nguyễn Văn U thông qua việc chuyển nhượng đất và ông Nguyễn Văn U tiếp tục tặng cho phần đất này lại cho bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Phước L. Từ chủ trương, chính sách đất đai thời kỳ kinh tế tập trung cho đến Luật đất đai 1987; Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 1998; năm 2001; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai 2013 thì trong suốt thời gian này ông Đinh Văn C không phải là người sử dụng đất và cũng không được Nhà nước chấp nhận cho yêu cầu đòi lại đất. Tại Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993 quy định: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng qua các thời kỳ thực hiện chính sách đất đai của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam, Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*; khoản 2 Điều 10 của Luật đất đai 2003 cũng quy định *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* và Nghị quyết số 23 ngày 26/11/2003 của Quốc hội tại Điều 1 có quy định: *“Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến Nhà đất đã ban hành trước ngày 01/07/1991, Nhà nước không thừa nhận*

việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến đất” và hiện tại, chủ trương và chính sách đất đai của Nhà nước cũng không có sự thay đổi, không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất trong trường hợp như đã nêu trên.

[5]. Tại Văn bản số: 751/UBND-VP ngày 03/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định phần đất tranh chấp do ông Phạm Văn M đứng tên quyền sử dụng. Năm 2001 ông Phạm Văn M chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn U và đến năm 2014 ông Nguyễn Văn U tặng cho đất lại cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 493826, thửa đất 347, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.000m², cấp ngày 18/4/2018. Tại Công văn số 138/CV-UBND ngày 05/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã T cũng xác định quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đinh Văn C không yêu cầu gì, các hộ dân đã sử dụng đất thời gian dài đến năm 2019 mới xảy ra tranh chấp.

[6]. Từ các căn cứ trên cho thấy, phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông Chấn khai phá nhưng việc ông Phạm Văn M, bà La Thị L, ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Phước L quản lý sử dụng đất đều thực hiện theo chủ trương chính sách của Nhà nước về đất đai và việc chuyển nhượng giữa các đương sự này đều hợp pháp và Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn C là không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, bà La Thị L và những người thuộc hàng thừa kế của ông Phạm Văn M trả lại phần đất diện tích 5.741,2m² thuộc thửa số 347, tờ bản đồ số 17 do bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng, tọa lạc ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7]. Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn (*do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện*) yêu cầu trả thành quả lao động theo quy định pháp luật, thấy rằng tại cấp sơ thẩm ông Đinh Văn C không khởi kiện và không yêu cầu xem xét về thành quả lao động. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về bồi thường thành quả lao động là vượt phạm vi khởi kiện ban đầu, không được đặt ra tại cấp sơ thẩm, nên không được chấp nhận để xem xét. Đồng thời cấp sơ thẩm cũng đã xác định ông Đinh Văn C có yêu cầu về thành quả lao động thì có quyền khởi kiện nếu như các bên không có sự thỏa thuận.

[8]. Từ những phân tích trên, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn C (*do người đại diện theo ủy quyền thực hiện*). Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 126/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

[9]. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không cơ sở nên không được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11]. Ông Đinh Văn C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn C (*do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn B thực hiện*). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, bà La Thị L và những người thuộc hàng thừa kế của ông Phạm Văn Minh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất có diện tích 5.741,2m², thuộc thửa số 347, tờ bản đồ số 17 do bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng; tọa lạc ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Đinh Văn C phải chịu 8.749.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng*). Ông Đinh Văn C đã dự nộp và đối chiếu thanh toán xong.

4. Về án phí: Ông Đinh Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

Nguyễn Thế Phương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ PHÚC THẨM**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương

